TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 12 - 2024
"V/v Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn và thực hiện thời gian cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vinh và ông Hoàng Công Nghĩa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, về việc "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn và thực hiện thời gian cấp dưỡng nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024; Thông báo hoãn phiên tòa số 17/TB-HPT ngày 24/10/2024; Thông báo hoãn phiên tòa số 19/TB-HPT ngày 26/11/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người được ủy quyền: Ông Hoàng Khắc C, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết M, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Thị T và người được chị T ủy quyền ông Bùi Khắc C đều trình bày:

Chị T và anh M đã được Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho ly hôn, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự

số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023. Tại quyết định chị T và anh M thỏa thuận thuận tình ly hôn; về con chung hai bên thỏa thuận giao 02 con chung Nguyễn Quốc A, sinh ngày 26/5/2011 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/8/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi; về tài sản chung, anh chị thỏa thuận tự giải quyết.

Sau khi ly hôn chị T và anh M không phân chia được tài sản nên chị T làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản sau ly hôn gồm: 01 thửa đất số 347, tờ bản đồ số 26 tại TDP M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình mang tên anh Nguyễn Viết M, chị Trương Thị T và tài sản là nhà ở gắn liền với đất.

Đối với thời gian cấp dưỡng nuôi con: Do tại Quyết định số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023, chị và anh M không thỏa thuận về thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con kể từ khi nào nên chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/cháu đúng như Quyết định đã nêu trên của Tòa án nhân dân thị xã B, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi.

Bị đơn anh Nguyễn Viết M trình bày:

Anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị T về việc vợ chồng đã được Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023. Riêng về tài sản chung, anh và chị T thỏa thuận tự giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn hai bên không tự giải quyết được, nay chị T làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn gồm: 01 thửa đất số 347, tờ bản đồ số 26 tại TDP M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình mang tên anh Nguyễn Viết M, chị Trương Thị T và tài sản là nhà ở gắn liền với đất nhưng anh không nhất trí, vì nguồn gốc thửa trên là của bố mẹ anh để lại để thờ cúng ông bà, tổ tiên nên không được bán, chuyển nhượng cho ai và cũng không thể chia được. Nếu chị T cương quyết yêu cầu phân chia thì anh sẽ giao cho chị T số tiền 250.000.000 đồng để nhận toàn bộ tài sản là nhà và đất đã nêu trên. Trường hợp chị T không đồng ý thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét nguồn gốc đất và công sức đóng góp của anh trong khối tài sản chung của vợ chồng.

Về thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con: Do tại Quyết định số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023, anh và chị T không thỏa thuận về thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con kể từ khi nào. Nay chị T yêu cầu anh thực hiện việc cấp dưỡng tiền nuôi con kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi thì anh cũng nhất trí.

Tại phiên tòa anh, anh Nguyễn Viết M cam kết sau này con trai là cháu Nguyễn Quốc A đủ 18 tuổi, anh sẽ giao nhà và đất lại cho cháu Nguyễn Quốc A;

đối với việc yêu cầu thực hiện thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con thì hiện nay anh đau ốm, không có công việc làm ổn định nên không có thu nhập gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, chị Trương Thị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc phân chia tài sản chung, vì anh M đã viết giấy cam kết sau này con trai là cháu Nguyễn Quốc A đủ 18 tuổi, anh sẽ giao nhà và đất lại cho cháu Nguyễn Quốc A

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nhất trí như ý kiến của nguyên đơn, về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung chia tài sản chung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình

- Về nội dung: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 107, Điều 108 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc phân chia tài sản chung sau ly hôn

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T, về việc thực hiện thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con, buộc anh Nguyễn Viết M thực hiện thời gian cấp dưỡng nuôi hai con Nguyễn Quốc A, sinh ngày 26/5/2011 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/8/2013, theo Quyết định số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, kể từ tháng 9/2023

+ Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Trương Thị T phải nộp tiền chi phí tố tụng, anh Nguyễn Viết M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị T có đơn yêu cầu chia tài sản chung sau ly

hôn đối với anh Nguyễn Viết M và yêu cầu anh M thực hiện thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại anh M có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Viết M đã được Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023. Tại Quyết định nêu trên hai bên thỏa thuận giao 02 con chung Nguyễn Quốc A, sinh ngày 26/5/2011 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/8/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi, còn về tài sản chung hai bên thỏa thuận tự giải quyết. Tuy nhiên, tại Quyết định số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023, hai bên không thỏa thuận về thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con kể từ khi nào, việc tự phân chia tài sản chung cũng không giải quyết được. Vì vậy, chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi và yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh M cũng nhất trí thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh M yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử buộc anh Nguyễn Viết M thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B kể từ tháng 9/2023 là phù hợp

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 thửa đất số 347, tờ bản đồ số 26 tại TDP M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình mang tên anh Nguyễn Viết M, chị Trương Thị T.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/8/2024, thửa đất số 347, tờ bản đồ số 26 tại TDP M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình mang tên anh Nguyễn Viết M, chị Trương Thị T có diện tích là 255,4m^2, có giá trị theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là 357.560.000 đồng; 01 ngôi cấp 4, mái đổ bằng, móng trụ bê tông cốt thép, tường xây đá học, bao che bằng gạch, cửa gỗ, tường đã hom tô nhưng chưa sơn, nền lát gạch hoa, khu

vệ sinh và bếp trong nhà, hệ thống điện sáng đầy đủ, có giá trị 460.284.000 đồng; sân và mái che có giá trị 55.169.400 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 873.013.400 đồng.

Tại phiên tòa, chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và anh M cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung của vợ chồng

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu của chị Trương Thị T với tổng số tiền 2.500.000. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử buộc chị T phải nộp để chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (chị T đã nộp đủ).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn anh Nguyễn Viết M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị Trương Thị T.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 156, Điều 157, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về "mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc phân chia tài sản chung sau ly hôn

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị T, về việc thực hiện thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con, buộc anh Nguyễn Viết M thực hiện thời gian cấp dưỡng tiền nuôi hai con Nguyễn Quốc A, sinh ngày 26/5/2011 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/8/2013, theo Quyết định số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi

3. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Trương Thị T phải nộp số tiền 2.500.000 để chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (chị T đã nộp đủ)

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Viết M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách nhà nước. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003372 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B cho chị Trương Thị T.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/12/2024).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Thắng	**Đoàn Thị Thái**	**Phan Anh Đức**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hòa **Hoàng Công Nghĩa** **Phan Anh Đức**